

Quận 10, ngày 23 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THÁNG 10/2024
Năm học 2024 - 2025
Nhóm trẻ 25 - 36 tháng tuổi

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

1. Mục tiêu

- MT1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục.
- **MT3:** Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động chạy.
- MT7: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể khi trườn.
- **MT10:** Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong các hoạt động.
- **MT11:** Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong các hoạt động.
- MT12: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thực phẩm khác nhau.
- **MT15:** Trẻ tập luyện một số thói quen trong sinh hoạt.
- **MT16:** Trẻ biết làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)

2. Hình thức thực hiện

2.1. Sinh hoạt

- MT1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục:
 - + Hô hấp: Tập hít vào, thở ra
 - + Tay: Đưa sang ngang.
 - + Bụng: Cúi về phía trước
 - + Chân: Co, duỗi từng chân
 - + Bật: Bật tại chỗ

2.2. Hoạt động học

- **MT3:**
 - + Vận động “Chạy theo hướng thẳng” (3.1) (Tuần 1)
 - + Vận động “Chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô” (3.2) (Tuần 2, Tuần 3)
 - + Vận động “Bò chui qua cổng” (Tuần 4, Tuần 5)
- **MT10:**
 - + Kỹ năng vẽ tổ chim. (10.2) Tuần 1)
 - + Kỹ năng lật, mở trang sách. (10.5) (Tuần 1)

+ Kỹ năng nhào đất nặn. (10.1) (Tuần 2)

- **MT11:**

+ Kỹ năng luồn dây. (11.2) (Tuần 1)

+ Kỹ năng tập khâu vòng tay. (11.6) (Tuần 1)

- **MT15:**

+ Kỹ năng rửa tay. (15.2) (Tuần 4)

+ Vứt rác đúng nơi qui định. (15.4) (Tuần 4)

- **MT16:**

+ Kỹ năng tập cởi quần áo khi bị ướt, bẩn. (16.2) (Tuần 2)

+ Kỹ năng đi dép. (16.2) (Tuần 3)

+ Kỹ năng cầm ly uống nước. (16.1) (Tuần 4)

+ Kỹ năng tập xúc cơm ăn. (16.1) (Tuần 5)

2.3. Kỹ năng

- MT12: Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1. Mục tiêu

- **MT20:** Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.

- **MT21:** Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

- **MT22:** Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.

- **MT23:** Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay chân

- **MT24:** Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.

- **MT26:** Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.

- **MT30:** Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.

2. Hình thức thực hiện

2.1. Sinh hoạt

- MT23: Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay chân.

2.2. Hoạt động học

- **MT20:**

- + Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. (20.1)
- + Sờ, nắn, nhìn, ngửi, ... đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. (20.3)
- Nhận biết đôi dép của bé. (Tuần 1)
- Nhận biết búp bê - quả bóng. (Tuần 5)
- **MT22:** Tên và công việc của những người thân trong gia đình. (22.2)
- + Gia đình của bé. (Tuần 1)
- **MT24:** Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng quen thuộc. (24.1)
- + Nhận biết tivi. (Tuần 4)
- + Nhận biết con cá (Tuần 3)
- **MT26:** Chỉ/ nói tên màu xanh theo yêu cầu. (26.3)
- + Nhận biết màu xanh (Tuần 2, Tuần 5)
- **MT30:** Chỉ/ nói tên đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. (30.1)
- + Nhận biết to - nhỏ (Tuần 2, Tuần 4)

2.3. Kỹ năng

- **MT21:** Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm lớp. (21.2)

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. Mục tiêu

- **MT31:** Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động.
- **MT32:** Trẻ biết trả lời các câu hỏi “Ai đây?” “Cái gì đây?, ,”...làm gì?, “... thế nào?”
- **MT33:** Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật
- **MT36:** Trẻ biết đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao... với sự giúp đỡ của cô giáo.
- **MT38:** Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau
- **MT40:** Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.

2. Hình thức thực hiện

2.1. Sinh hoạt

- **MT31:** Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói (31.1)
- **MT32:** Trẻ trả lời và đặt câu hỏi: Ai đây?” “Cái gì đây?, ,”...làm gì?, “... thế nào?”

2.2. Hoạt động học

- MT33: Lắng nghe và trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.

+ Truyện: “Cây táo” (Tuần 2, Tuần 3)

+ Truyện: “Quả trứng” (Tuần 4, Tuần 5)

- MT36: Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3, 4 tiếng.

+ Bài thơ “Đi dép” (Tuần 1)

+ Bài thơ “Con cá vàng” (Tuần 3)

2.3. Kỹ năng

- MT38: Trẻ biết chào hỏi, trò chuyện (38.1)

- MT40: Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn (40.2)

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

1. Mục tiêu

- MT43: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).

- MT45: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.

- MT50: Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi búp bê, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)

- MT52: Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.

- MT53: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.

- MT54: Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).

2. Hình thức thực hiện

2.1. Sinh hoạt

- MT43: Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. (43.2)

- MT45: Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên (45.1)

2.2. Hoạt động học

- MT52:

+ Xếp hàng chờ tới lượt. (52.1) (Tuần 3)

+ Để đồ chơi vào nơi qui định (52.2) (Tuần 4)

- MT53: Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. (53.1)

+ Nghe hát “Lời chào buổi sáng” (Tuần 1)

+ Dạy hát “Lời chào buổi sáng” (Tuần 2)

+ Nghe hát “Đôi dép xinh” (Tuần 3)

- + Dạy hát “Đôi dép xinh” (Tuần 4)
- + Nghe hát “Đi học về” (Tuần 5)
- **MT54:** Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. (54.1)
- + Vẽ mưa (Tuần 1)
- + Tô màu quả táo (Tuần 3, Tuần 4)
- + Vẽ lông nhím (Tuần 4)
- + Vẽ đốm trên cây nấm (Tuần 2)
- + Làm thiệp hoa tặng mẹ, bà (Tuần 3)
- + Vẽ tia nắng (Tuần 2, Tuần 5)

2.3. Kỹ năng

- MT50: Trẻ tập làm, thể hiện, nhập vai để tham gia chơi trong các hoạt động chơi ở các khu vực khác nhau./.